

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/6/2013**

---

**Tháng 8 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	09 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

**Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Bà Phạm Thanh Hoa	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật	Trúng cử ngày 27/4/2013, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 09/5/2013
Ông Nguyễn Văn Duyên	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013
Ông Nguyễn Hữu Điều	Phó Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013
Ông Lê Anh Đào	Phó Chủ tịch	Trúng cử ngày 27/4/2013, bổ nhiệm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 17/6/2013
Ông Đỗ Huy Đạt	Ủy viên	
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên	Trúng cử ngày 27/4/2013
Ông Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013
Ông Nguyễn Văn Thao	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Văn Chuyên	Trưởng ban	Trúng cử ngày 27/4/2013, giữ chức Trưởng ban kiểm soát từ ngày 09/5/2013
Ông Phạm Thanh Viện	Trưởng ban	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	Trúng cử ngày 27/4/2013
Bà Lâm Thị Lịch	Ủy viên	Trúng cử ngày 27/4/2013
Ông Lê Anh Đào	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013
Ông Võ Ngọc Ánh	Ủy viên	Hết nhiệm kỳ ngày 27/4/2013

**Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Huy Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Đỗ Huy Đạt**

**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2013*

(Theo giấy ủy quyền số 13/UQ của Chủ tịch Hội đồng quản trị - người đại diện theo pháp luật của Công ty được lập ngày 12/6/2013)

Số: /2013/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/8/2013, từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Thị Hoa**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0804-2013-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2013*

---

**Tạ Thị Việt Phương**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1445-2013-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>32.813.797.041</b>	<b>32.415.286.400</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.562.132.063</b>	<b>1.361.823.043</b>
1. Tiền	111	05	1.562.132.063	1.361.823.043
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.322.000.000</b>	<b>824.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	06	1.322.000.000	824.000.000
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>22.152.645.617</b>	<b>19.834.542.033</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		20.843.784.093	18.920.027.890
2. Trả trước cho người bán	132		522.260.000	273.040.415
5. Các khoản phải thu khác	135	07	912.800.964	641.473.728
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(126.199.440)	-
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.355.937.381</b>	<b>6.198.261.477</b>
1. Hàng tồn kho	141	08	4.355.937.381	6.198.261.477
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.421.081.980</b>	<b>4.196.659.847</b>
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	09	3.421.081.980	4.196.659.847
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>35.089.434.347</b>	<b>35.961.122.057</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.272.154.698</b>	<b>32.182.154.761</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.564.785.212	20.352.285.218
- Nguyên giá	222		39.222.844.203	39.301.336.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.658.058.991)	(18.949.050.985)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	13.707.369.486	11.829.869.543
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.259.797.135</b>	<b>3.020.984.655</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	3.500.000.000	3.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.240.202.865)	(479.015.345)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>557.482.514</b>	<b>757.982.641</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	557.482.514	757.982.641
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>67.903.231.388</b>	<b>68.376.408.457</b>

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu số B 01a-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	01/01/2013
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>42.127.896.214</b>	<b>41.338.172.662</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.997.982.057</b>	<b>35.400.038.775</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	9.669.000.000	8.878.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		2.388.073.232	5.872.339.253
3. Người mua trả tiền trước	313		4.552.320.348	1.299.630.348
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.355.000.383	1.554.445.962
5. Phải trả người lao động	315		179.456.567	195.735.870
6. Chi phí phải trả	316	16	11.330.607.632	11.638.549.040
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	4.513.015.629	6.002.674.464
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		10.508.266	(41.336.162)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.129.914.157</b>	<b>5.938.133.887</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	8.129.914.157	5.938.133.887
<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>25.775.335.174</b>	<b>27.038.235.795</b>
<b>I- Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>25.775.335.174</b>	<b>27.038.235.795</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	21.996.970.000	21.996.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(50.000.000)	(50.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	2.120.763.559	1.956.617.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	613.310.994	480.466.566
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	1.094.290.621	2.654.181.615
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>67.903.231.388</b>	<b>68.376.408.457</b>

**Đỗ Huy Đạt**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

**Lê Hữu Cảnh**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Ngọc Mai**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Mẫu số B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	<b>20</b>	55.005.691.311	46.540.181.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>55.005.691.311</b>	<b>46.540.181.116</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>21</b>	49.732.826.112	43.311.417.555
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>5.272.865.199</b>	<b>3.228.763.561</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>22</b>	124.602.105	47.821.330
7. Chi phí tài chính	22	<b>23</b>	1.313.667.971	457.100.702
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>552.480.451</i>	<i>310.672.702</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.746.914.719	1.849.025.508
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>1.336.884.614</b>	<b>970.458.681</b>
11. Thu nhập khác	31	<b>24</b>	164.569.968	285.526.091
12. Chi phí khác	32	<b>24</b>	6.304.654	1.236.255
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>24</b>	<b>158.265.314</b>	<b>284.289.836</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.495.149.928</b>	<b>1.254.748.517</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>25</b>	400.859.307	258.365.978
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.094.290.621</b>	<b>996.382.539</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>497</b>	<b>453</b>

**Đỗ Huy Đạt**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

**Lê Hữu Cảnh**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Ngọc Mai**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

Mẫu số B 03a-DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.859.363.386	47.269.844.296
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.533.464.497)	(37.648.095.165)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.921.488.270)	(2.376.796.735)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(392.350.075)	(469.945.702)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(391.337.545)	(727.151.715)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.065.711.233	4.565.088.177
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.341.348.965)	(9.213.738.117)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.345.085.267</b>	<b>1.399.205.039</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.460.957.732)	(1.164.751.240)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.098.215	72.349.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.927.859.517)</b>	<b>(1.092.402.214)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.391.780.270	11.870.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.409.000.000)	(11.917.465.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(2.199.697.000)	(1.767.440.529)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>783.083.270</b>	<b>(1.814.905.529)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>200.309.020</b>	<b>(1.508.102.704)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>05</b>	<b>1.361.823.043</b>	<b>4.671.178.957</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>05</b>	<b>1.562.132.063</b>	<b>3.163.076.253</b>

Đỗ Huy Đạt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Lê Hữu Cảnh  
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Mai  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Điện nước Lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203001815 ngày 21/10/2005, thay đổi lần thứ nhất ngày 27/10/2007, thay đổi lần thứ hai ngày 16/5/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 07/4/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 18/5/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200155561 thay đổi lần thứ năm ngày 15/8/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 30/5/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**  
Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **HAI PHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY  
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **HEWMAC**

Vốn điều lệ: **21.996.970.000 VND**

***Trong đó:***

Vốn Nhà nước: **12.622.500.000 VND**

Vốn của các cổ đông khác: **9.374.470.000 VND**

Mệnh giá cổ phần: **10.000 VND**

***Ngành nghề kinh doanh***

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; chi tiết: truyền tải và phân phối điện;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; chi tiết: sản xuất kết cấu thép các khung nhà tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; chi tiết: lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích; chi tiết: xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: san lấp mặt bằng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; chi tiết: trang trí nội ngoại thất công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; chi tiết: xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế đến 220 KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; vận tải hành khách đường bộ bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; chi tiết: giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình năng lượng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chi tiết: xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 34 Nghĩa Xá - Thiên Lô - Lê Chân - Hải Phòng.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12. Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 là giai đoạn hoạt động giữa niên độ.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

##### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2 Tiền**

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 30/6/2013, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

##### **4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Trong kỳ, Công ty không có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ.

##### **4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Trong kỳ, Công ty tiến hành trích lập dự phòng nợ khó đòi cho một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo ước tính đánh giá của Ban Giám đốc Công ty là cần thiết và phù hợp với thực tế Công ty. Số dự phòng Công ty trích lập trong kỳ là 126.199.440 VND.

Ngoài ra, căn cứ vào quy chế khoán và giao trách nhiệm thu hồi các khoản công nợ của Công ty áp dụng cho Xí nghiệp trực thuộc, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đã giao khoán cho Xí nghiệp Xây dựng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

##### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc ngoại trừ các tài sản được đánh giá khi tiến hành cổ phần hóa Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Năm khấu hao</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 10
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Dụng cụ quản lý	03 - 04

**4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30/6/2013 bao gồm: chi phí xây dựng nhà máy cấp khu công nghiệp Tân Liên Vĩnh Bảo, chi phí xây dựng lưới điện Hoà Bình và Lập Lễ, các chi phí liên quan đến việc xây dựng trạm biến áp An Đông, Hoàng Động, chi phí bộ phận nắn kéo máy bọc cáp và chi phí nhân công, vật tư di chuyển văn phòng điện xã Hoàng Động, Thủy Nguyên.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.8 Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền cho cá nhân và các tổ đội sản xuất vay.

Đầu tư vào Công ty con là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP thực hiện hoạt động liên doanh theo hợp đồng số 10/2008/ĐN-XDĐT quản lý và kinh doanh điện tại khu vực Cự Viên, Kiến An, Hải Phòng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP sẽ chuyển cho Công ty khoản tiền hoạt động là 80.000.000 VND (tương đương 40% nguồn vốn tối thiểu quy định tại hợp đồng). Khoản tiền hoạt động trên được Công ty phản ánh trên khoản mục phải trả phải nộp khác trình bày trên báo cáo tài chính và Công ty mở sổ theo dõi riêng kết quả hoạt động liên doanh này. Hàng năm, căn cứ vào tỷ lệ góp trong hợp đồng liên doanh, hai bên tiến hành chia lãi liên doanh từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động này. Năm 2012, số lãi Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP được chia là 32.332.743 VND nhưng bù trừ với khoản lỗ phát sinh từ các năm trước là 7.682.930 VND, theo đó, khoản lãi thực nhận của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP là 24.649.814 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng được trích lập theo quy định của Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.9 Các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa).

Tổng số chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là 140.962.126 VND.

**4.10 Các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí khác là chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí in hóa đơn được phân bổ trong 24 tháng và chi phí sửa chữa hệ thống lưới điện được phân bổ từ 24 tháng trở lên kể từ tháng phát sinh.

**4.11 Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước một phần tiền mua điện của Công ty TNHH Điện lực Hải Phòng tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ, giá vốn các công trình xây lắp đã ghi doanh thu, chi phí lãi vay và chi phí phải trả khác. Số trích trước giá vốn các công trình xây lắp đã ghi nhận doanh thu lũy kế đến thời điểm 30/6/2013 là 9.069.579.877 VND.

**4.12 Dự phòng phải trả**

Căn cứ vào quy chế khoán và giao trách nhiệm cho Xí nghiệp trực thuộc, nghĩa vụ bảo hành công trình nếu phát sinh sẽ thuộc trách nhiệm của các Xí nghiệp thi công và thực tế Công ty không phát sinh chi phí bảo hành công trình, do vậy Công ty không trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Trong kỳ, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 27/4/2013 và có điều chỉnh theo lợi nhuận thực tế sau khi điều chỉnh lãi trả cho bên liên doanh, cụ thể như sau:

	<b>Theo Nghị quyết</b>	<b>Thực tế</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi trả cho các bên liên doanh	32.332.743	24.649.814
Trích quỹ dự phòng tài chính (5%/lợi nhuận)	132.844.428	132.844.428
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% /lợi nhuận)	132.844.428	132.844.428
Trích quỹ đầu tư phát triển (phần còn lại)	159.169.951	164.145.945
Chia cổ tức (10%/mệnh giá cổ phần)	2.199.697.000	2.199.697.000
<b>Cộng</b>	<b>2.656.888.550</b>	<b>2.654.181.616</b>

**4.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu kinh doanh điện được ghi nhận theo ngày xác nhận chỉ số công tơ điện và được ghi trên hoá đơn tính tiền điện. Doanh thu cung cấp điện của 9 xã Vĩnh Bảo, 3 xã An Dương ghi nhận theo kỳ từ ngày 15 tháng này đến 15 tháng sau, xã An Đông từ ngày 27 tháng này đến ngày 27 tháng sau, xã Hoàng Động từ ngày 20 tháng này đến ngày 20 tháng sau, xã Hòa Bình, Lập Lễ từ ngày 30 tháng này đến ngày 30 tháng sau.

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành của từng hạng mục công trình. Mặt khác, Công ty đang áp dụng chế độ giao khoán các công trình xây dựng mà Công ty ký hợp đồng cho các tổ, đội sản xuất theo tỷ lệ thích hợp. Công ty thực hiện hạch toán chi phí trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ tập hợp từ các tổ đội (không vượt quá tỷ lệ giao khoán). Trường hợp, chứng từ chưa tập hợp kịp thời, Công ty sẽ tạm trích chi phí để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn theo tỷ lệ khoán đã quy định.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.15 Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, cụ thể:

- Lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4.16 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.17 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Do đó các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được coi là bên liên quan của Công ty.

Công ty góp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng, do đó, Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng là bên liên quan của Công ty.

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	7.673.938	32.368.209
Tiền gửi ngân hàng	1.554.458.125	1.329.454.834
<b>Cộng</b>	<b>1.562.132.063</b>	<b>1.361.823.043</b>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho vay cá nhân	12.000.000	14.000.000
<i>Ông Nguyễn Văn Diên</i>	<i>12.000.000</i>	<i>14.000.000</i>
Cho tổ đôi sản xuất vay	1.310.000.000	810.000.000
<i>Ông Trần Ngọc Hải (xí nghiệp xây dựng - vay cho công trình Bệnh viện Viện Tiệp)</i>	<i>1.050.000.000</i>	<i>550.000.000</i>
<i>Ông Ngô Văn Thắng (xí nghiệp xây dựng - vay cho công trình Thủy Nguyên)</i>	<i>260.000.000</i>	<i>260.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.322.000.000</b>	<b>824.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu xí nghiệp	192.231.016	86.148.437
<i>Phải thu về tiền lãi cho tổ đội sản xuất vay</i>	<i>106.947.904</i>	<i>13.781.329</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>85.283.112</i>	<i>72.367.108</i>
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	22.803.900	22.619.049
Phải thu Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng	529.381.623	505.868.923
Phải thu từ cơ quan Bảo hiểm xã hội	-	763.200
Phải thu khác	168.384.425	26.074.119
<i>Phải thu về lãi tiền cho vay cá nhân</i>	<i>337.315</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>168.047.110</i>	<i>26.074.119</i>
<b>Cộng</b>	<b>912.800.964</b>	<b>641.473.728</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	13.277.274	3.806.274
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp	3.944.331.326	5.786.600.133
Hàng hoá	398.328.781	407.855.070
<b>Cộng</b>	<b>4.355.937.381</b>	<b>6.198.261.477</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	3.421.081.980	4.196.659.847
<b>Cộng</b>	<b>3.421.081.980</b>	<b>4.196.659.847</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	1.059.443.189	37.245.757.310	747.391.454	248.744.250	39.301.336.203
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	78.492.000	78.492.000
Giảm khác	-	-	-	78.492.000	78.492.000
Số dư tại 30/6/2013	1.059.443.189	37.245.757.310	747.391.454	170.252.250	39.222.844.203
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2013	672.869.366	17.422.219.565	605.217.804	248.744.250	18.949.050.985
Tăng trong kỳ	37.928.657	1.738.197.457	11.373.892	-	1.787.500.006
Khấu hao trong kỳ	37.928.657	1.738.197.457	11.373.892	-	1.787.500.006
Giảm trong kỳ	-	-	-	78.492.000	78.492.000
Giảm khác	-	-	-	78.492.000	78.492.000
Số dư tại 30/6/2013	710.798.023	19.160.417.022	616.591.696	170.252.250	20.658.058.991
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2013	386.573.823	19.823.537.745	142.173.650	-	20.352.285.218
Số dư tại 30/6/2013	348.645.166	18.085.340.288	130.799.758	-	18.564.785.212

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng tại 30/6/2013: 5.557.132.500 VND.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	11.829.869.543
Tăng	2.587.298.843
Kết chuyển sang tài sản cố định	-
Kết chuyển giảm khác	709.798.900
<b>Tại ngày 30 tháng 6 (*)</b>	<b>13.707.369.486</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**(\*) Bao gồm:**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công trình nhà máy cấp Tân Liên - Vĩnh Bảo	6.625.255.234	7.141.217.527
Công trình Lưới điện xã Hòa Bình - Lập Lễ	6.002.946.503	3.609.484.267
Công trình đường 208 An Dương, mua máy biến áp - Điện An Đồng	998.310.930	998.310.930
Bộ phận nắn kéo, máy bọc cáp	40.000.000	40.000.000
Nhà văn phòng xã Hoàng Động	40.856.819	40.856.819
<b>Cộng</b>	<b><u>13.707.369.486</u></b>	<b><u>11.829.869.543</u></b>

**12.ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>		<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>Theo thực tế (%)</b>	<b>Theo ĐKKD (%)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng	100	100	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b><u>3.500.000.000</u></b>	<b><u>3.500.000.000</u></b>

**13.CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí đặt in hóa đơn	130.500.000	19.968.000
Chi phí sửa chữa hệ thống lưới điện	426.982.514	738.014.641
<b>Cộng</b>	<b><u>557.482.514</u></b>	<b><u>757.982.641</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>8.260.000.000</b>	<b>6.060.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng [1]	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay đối tượng khác	4.260.000.000	2.060.000.000
<i>Bà Lại Thị Vinh [2]</i>	<i>950.000.000</i>	<i>950.000.000</i>
<i>Bà Đỗ Thị Thanh Vân [3]</i>	<i>800.000.000</i>	<i>800.000.000</i>
<i>Bà Lại Thị Dinh [4]</i>	<i>470.000.000</i>	<i>270.000.000</i>
<i>Bà Trần Thị Ngọc Mai [5]</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
<i>Ông Nguyễn Trung Kiên [6]</i>	<i>2.000.000.000</i>	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.409.000.000</b>	<b>2.818.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	1.409.000.000	2.818.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.669.000.000</b>	<b>8.878.000.000</b>

**[1] Hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Hải Phòng**  
**Số dư là của hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0016/2011/HĐ ngày 05/5/2011**

Hạn mức cho vay	: 4.000.000.000 VND
Mục đích sử dụng tiền vay	: Bổ sung vốn lưu động
Lãi suất cho vay	: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
Thời hạn vay	: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
Thời hạn rút vốn	: Bắt đầu từ 30/4/2012
Thời điểm trả lãi	: Được xác định theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.
Hình thức đảm bảo tiền vay	: + Thế chấp, cầm cố tài sản của Bên vay/Bên thứ 3. Giá trị tài sản đảm bảo được thực hiện theo hợp đồng đảm bảo tiền vay. + Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. + Các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

**[2] Hợp đồng vay bà Lại Thị Vinh**

**[2a] Hợp đồng vay vốn số 09-11/HĐVV ngày 19/7/2011**

Số tiền vay	: 150.000.000 VND
Lãi suất	: 22%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất trong hạn
Thời hạn vay	: 03 tháng kể từ ngày vay

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Lãi và gốc tiền vay được trả một lần khi rút vốn vay

**[2b] Hợp đồng vay vốn số 03-11/HĐVV ngày 07/3/2011**

Số tiền vay : 300.000.000 VND  
Lãi suất : 1,75%/tháng, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn  
Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày vay  
Lãi và gốc tiền vay được trả một lần khi rút vốn vay

**[2c] Hợp đồng vay vốn số 04-11/HĐVV ngày 23/3/2011**

Số tiền vay : 200.000.000 VND  
Lãi suất : 1,75%/tháng, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn  
Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày vay  
Lãi và gốc tiền vay được trả một lần khi rút vốn vay

**[2d] Hợp đồng vay vốn số 08-11/HĐVV ngày 11/7/2011**

Số tiền vay : 300.000.000 VND  
Lãi suất : 22%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn  
Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày vay  
Lãi và gốc tiền vay được trả một lần khi rút vốn vay

**[3] Hợp đồng vay với bà Đỗ Thị Thanh Vân**

**[3a] Hợp đồng vay vốn số 07-12/HĐVV ngày 04/9/2012**

Số tiền vay : 300.000.000 VND  
Lãi suất : 17%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn  
Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày vay  
Lãi và gốc tiền vay được trả một lần khi rút vốn vay

**[3b] Hợp đồng vay vốn số 08-12/HĐVV ngày 17/9/2012**

Số tiền vay : 500.000.000 VND  
Lãi suất : 17%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng  
Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn  
Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày vay  
Lãi vay được trả hàng tháng tính từ ngày vay

**[4] Hợp đồng vay với bà Lại Thị Dinh**

**[4a] Hợp đồng vay số 02-2012/HĐVV ngày 19/3/2012**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Số tiền vay	:	270.000.000 VND
Lãi suất	:	20%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng
Lãi suất quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Thời hạn vay	:	03 tháng kể từ ngày vay
Lãi vay được trả hàng tháng tính từ ngày vay		

**[4b] Hợp đồng vay số 02-2013/HĐVV ngày 28/5/2013**

Số tiền vay	:	200.000.000 VND
Lãi suất	:	15%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng
Lãi suất quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Thời hạn vay	:	03 tháng kể từ ngày vay
Lãi vay được trả hàng tháng tính từ ngày vay		

**[5] Hợp đồng vay với bà Trần Thị Ngọc Mai**

**- Hợp đồng vay số 05-12/HĐVV ngày 01/7/2012**

Số tiền vay	:	40.000.000 VND
Lãi suất	:	17%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng
Lãi suất quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Thời hạn vay	:	03 tháng kể từ ngày vay
Lãi vay được trả hàng tháng tính từ ngày vay		

**[6] Hợp đồng vay với ông Nguyễn Trung Kiên**

**- Hợp đồng vay số 01-2013/HĐVV ngày 11/01/2013**

Số tiền vay	:	2.000.000.000 VND
Lãi suất	:	14%/năm, thay đổi theo lãi suất của từng phụ lục hợp đồng
Lãi suất quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Thời hạn vay	:	06 tháng kể từ ngày vay
Lãi vay được trả hàng tháng tính từ ngày vay		

**(\*) Xem thêm thuyết minh số 18**

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	227.903.179	465.751.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.038.388.441	1.028.866.679
Thuế thu nhập cá nhân	88.708.763	59.827.769
<b>Cộng</b>	<b>1.355.000.383</b>	<b>1.554.445.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước giá vốn công trình xây dựng và xây lắp (*)	9.069.579.877	10.422.497.540
Trích trước tiền điện	1.633.589.160	1.116.051.500
Trích trước tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát	65.000.000	100.000.000
Chi phí phải trả khác	562.438.595	-
<i>Trích trước lãi vay</i>	<i>229.938.595</i>	<i>-</i>
<i>Trích trước lương tháng 13/2013</i>	<i>170.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trích trước chi phí kiểm toán năm 2012 và 6 tháng năm 2013</i>	<i>162.500.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>11.330.607.632</b>	<b>11.638.549.040</b>

(\*): Trích trước giá vốn công trình xây lắp theo tỷ lệ khoán trên doanh thu của từng hạng mục, công trình.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	5.477.600	24.268.087
Bảo hiểm xã hội	73.747.800	-
Bảo hiểm y tế	13.827.713	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.145.650	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.413.816.866	5.978.406.377
<i>Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>-</i>	<i>10.945.228</i>
<i>Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng (*)</i>	<i>3.159.758.167</i>	<i>3.159.758.167</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP (theo hợp đồng liên danh số 10/2008/ĐN-XDĐT)</i>	<i>80.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.174.058.699</i>	<i>2.727.702.982</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.513.015.629</b>	<b>6.002.674.464</b>

(\*) Trong đó bao gồm tiền vốn đã nhận lại từ Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng và khoản phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18.VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	8.129.914.157	5.938.133.887
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng [1]</i>	<i>5.938.133.887</i>	<i>5.938.133.887</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng [2]</i>	<i>2.191.780.270</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>8.129.914.157</b>	<b>5.938.133.887</b>

**[1] Số dư tại 30/6/2013 là của các hợp đồng vay sau:**

**Hợp đồng vay số 180/2008/HĐ ngày 19/6/2008**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 11.396.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư cho dự án cải tạo và phát triển lưới điện hạ thế nông thôn HP - Giai đoạn 3
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
Lãi suất vay	: Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng trong Hợp đồng tín dụng
Thời hạn trả lãi	: Theo định kỳ tối đa không quá 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Thế chấp bằng 10 bất động sản của bên thứ 3
Dư nợ đến 30/6/2013	: 3.966.347.887 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2013	: 984.000.000 VND

**Hợp đồng vay số 0002/HĐ/2010 ngày 22/01/2010**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 5.565.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư, cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn thành phố HP - Giai đoạn 4
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
Lãi suất vay	: Theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng trong Hợp đồng tín dụng
Thời hạn trả lãi	: Lãi được trả theo kỳ hạn cùng kỳ hạn trả nợ gốc
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3
Dư nợ đến 30/6/2013	: 3.380.786.000 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2013	: 425.000.000 VND

**[2] Số dư tại 30/6/2013 là của hợp đồng vay sau:**

**Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 064/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HP-NNg ngày 13/6/2013**

Tổng số tiền vay theo hợp đồng	: 5.000.000.000 VND
Mục đích	: Đầu tư, cải tạo và phát triển hệ thống lưới điện hạ thế nông thôn thành phố HP - Giai đoạn 5
Thời hạn vay	: 07 năm kể từ ngày nhận món vay đầu tiên



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Lãi suất vay	:	Được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ
Lãi suất nợ quá hạn	:	150% lãi suất cho vay trong hạn
Thời hạn trả lãi	:	Lãi vay được tính hàng tháng trên cơ sở 1 tháng 30 ngày, trả lãi lần đầu vào ngày 30/6/2013
Hình thức đảm bảo tiền vay	:	Thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3. Cụ thể Quyền sử dụng đất tại Tổ 27 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 353110 + Quyền sử dụng đất tại Tổ 37 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 354194 + Quyền sử dụng đất tại khu dân cư số 5 - Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 639381 + Quyền sử dụng đất tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A884331 + Quyền sử dụng đất tại thôn Lương Quán - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 825247
Dư nợ gốc tại ngày 30/6/2013	:	2.191.780.270 VND
Số phải trả 6 tháng cuối năm 2013	:	0 VND

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>21.996.970.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>1.956.617.614</b>	<b>480.466.566</b>	<b>2.654.181.615</b>
Số dư đầu năm nay	21.996.970.000	(50.000.000)	1.956.617.614	480.466.566	2.654.181.615
Tăng trong kỳ	-	-	164.145.945	132.844.428	1.094.290.621
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	2.654.181.615
<b>Số dư tại 30/6/2013</b>	<b>21.996.970.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>2.120.763.559</b>	<b>613.310.994</b>	<b>1.094.290.621</b>

**CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/6/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	12.622.500.000	12.622.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	9.374.470.000	9.374.470.000
	<b>21.996.970.000</b>	<b>21.996.970.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
Vốn góp đầu năm	21.996.970.000	21.996.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	21.996.970.000	21.996.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.224.346.814	1.767.440.529
<i>Chia lãi liên doanh</i>	24.649.814	-
<i>Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu</i>	2.199.697.000	-

**CỔ PHIẾU**

	<b>30/6/2013 Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2013 Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.199.697	2.199.697
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.199.697	2.199.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.199.697	2.199.697
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.199.697	2.199.697
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.199.697	2.199.697
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ</b>	<b>2.654.181.615</b>	<b>1.764.733.595</b>
Tăng trong kỳ	1.094.290.621	996.382.539
<i>Lợi nhuận tăng trong kỳ</i>	1.094.290.621	996.382.539
Giảm trong kỳ	2.654.181.615	1.767.440.530
<i>Trích Quỹ dự phòng tài chính</i>	132.844.428	-
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	132.844.428	-
<i>Trích Quỹ đầu tư phát triển</i>	164.145.945	-
<i>Chia lãi liên doanh</i>	24.649.814	-
<i>Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu</i>	2.199.697.000	1.759.757.600
<i>Giảm khác</i>	-	7.682.930
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.094.290.621</b>	<b>993.675.604</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**20.DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	85.206.414	254.117.091
Doanh thu bán điện	51.686.864.077	36.629.143.080
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.633.620.820	9.656.920.945
Doanh thu khác	600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.005.691.311</b>	<b>46.540.181.116</b>

**21.GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	88.144.000	12.700.000
Giá vốn bán điện	46.503.369.958	33.671.577.320
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.541.312.154	9.627.140.235
Giá vốn của hoạt động khác	600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>49.732.826.112</b>	<b>43.311.417.555</b>

**22.DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.602.105	47.821.330
<b>Cộng</b>	<b>124.602.105</b>	<b>47.821.330</b>

**23.CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	552.480.451	310.672.702
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	761.187.520	146.428.000
<b>Cộng</b>	<b>1.313.667.971</b>	<b>457.100.702</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**24.LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>
Thu từ thanh lý vật tư	64.486.818
Tiền truy thu hộ vi phạm sử dụng điện	48.796.000
Thu nhập khác	51.287.150
<b>Thu nhập khác</b>	<b>164.569.968</b>
Xử lý chênh lệch công nợ	754
Chi phí thanh lý vật tư	6.303.900
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.304.654</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>158.265.314</b>

**25.CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	1.495.149.928	1.254.748.517
<b>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>108.287.300</i>	<i>221.628.500</i>
Chi phí không hợp lý hợp lệ	27.127.000	-
Lương Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành Công ty	81.160.300	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	-	-
<b>Lỗ năm trước chuyển sang (4)</b>	-	-
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1+2-3-4)</b>	1.603.437.228	1.476.377.017
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (6=5*25%)	400.859.307	369.094.254
Giảm 30% thuế TNDN theo NQ 29/2012/QH13 (7=6*30%)	-	110.728.276
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>400.859.307</b>	<b>258.365.978</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	862.805.249	11.165.360.680
Chi phí nhân công		2.065.140.919
Chi tiết		
<i>Chi phí lương</i>	<i>2.774.051.124</i>	
<i>Các khoản trích theo lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chi phí khác liên quan</i>	<i>812.304.275</i>	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.787.500.006	1.706.526.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.943.589.210	29.427.755.564
Chi phí khác	2.070.034.813	2.753.760.315
<b>Cộng</b>	<b>49.250.284.677</b>	<b>47.118.544.312</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.094.290.621	996.382.539
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)	1.094.290.621	996.382.539
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (2)	2.199.697	2.199.697
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3=1/2)	497	453

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

<b>Giao dịch với bên liên quan</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND</b>
<b>Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng</b>		
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tạm ứng tiền lương, chi phí, may đồng phục	103.512.700	169.213.367
Bảo hiểm xã hội của ông Hải	-	8.550.570
Tiền thuê đất từ quý 4 năm 2011 đến hết năm 2012 (5 quý) nộp hộ	-	98.924.581
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tiền mua cáp điện	-	44.990.220
Chuyển trả tiền sử dụng vốn chủ sở hữu	-	900.000.000
Bù trừ tiền hàng theo Biên bản đối chiếu công nợ 30/6/2012	-	160.532.497

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Số dư với bên liên quan	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	529.381.623	505.868.923
Tạm ứng	80.000.000	-
Phải trả khác	3.159.758.167	3.159.758.167

**Tiền lương, thưởng và thù lao phát sinh trong năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:**

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Ghi chú
1	Ông Đỗ Huy Đạt	UV HĐQT	Lương và thù lao	165.936.515	Tham gia trực tiếp
2	Ông Lê Hữu Cảnh	UV HĐQT	Lương và thù lao	131.269.969	Tham gia trực tiếp
3	Ông Nguyễn Văn Thao	UV HĐQT	Lương và thù lao	122.870.669	Tham gia trực tiếp
4	Bà Vũ Thị Lương Dung	UV- HĐQT	Lương và thù lao	37.602.600	Tham gia trực tiếp
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	UV- BKS	Lương và thù lao	45.198.596	Tham gia trực tiếp
6	Ông Nguyễn Văn Duyên	CT-HĐQT cũ	Lương và thù lao	113.048.300	Tham gia trực tiếp
7	Ông Nguyễn Hồng Hải	UV- HĐQT	Thù lao	27.067.500	Tham gia trực tiếp
8	Bà Phạm Thanh Hoa	CT-HĐQT mới	Thù lao	27.067.500	Không tham gia trực tiếp
9	Ông Lê Anh Đào	P.CT-HĐQT mới	Thù lao	9.231.900	Không tham gia trực tiếp
10	Ông Trần Văn Chuyên	T. BKS	Thù lao	8.392.600	Không tham gia trực tiếp
11	Bà Nguyễn Thị Lịch	UV- BKS	Thù lao	5.874.800	Không tham gia trực tiếp
12	Ông Nguyễn Hữu Điều	P.CT-HĐQT cũ	Thù lao	18.696.000	Không tham gia trực tiếp
13	Ông Phạm Thanh Viện	UV- BKS	Thù lao	11.897.500	Không tham gia trực tiếp

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động trong 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh điện, xây lắp và bán vật tư hàng hóa. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại 30/6/2013**

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh vật tư hàng hóa + khác	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	10.323.105.738	10.396.478.915	126.199.440	20.845.784.093
Tài sản không phân bổ				47.057.447.295
Tổng tài sản	10.323.105.738	10.396.478.915	126.199.440	67.903.231.388
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả không phân bổ				42.127.896.214
Tổng nợ phải trả				42.127.896.214

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 30/6/2013**

	<b>Hoạt động kinh doanh điện</b>	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Kinh doanh vật tư hàng hóa + khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	51.686.864.077	2.633.620.820	685.206.414	55.005.691.311
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>51.686.864.077</b>	<b>2.633.620.820</b>	<b>685.206.414</b>	<b>55.005.691.311</b>
<b>Giá vốn</b>	<b>46.503.369.958</b>	<b>2.541.312.154</b>	<b>688.144.000</b>	<b>49.732.826.112</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>5.183.494.119</b>	<b>92.308.666</b>	<b>(2.937.586)</b>	<b>5.272.865.199</b>
Chi phí không phân bổ				2.746.914.719
Doanh thu từ các khoản đầu tư				124.602.105
Chi phí tài chính				1.313.667.971
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.336.884.614
Lãi, lỗ khác				158.265.314
Lợi nhuận trước thuế				1.495.149.928
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				400.859.307
Lợi nhuận trong năm				1.094.290.621
<b>Thông tin khác</b>				
Khấu hao				1.787.500.006

**30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30/6/2013 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**31.SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

---

**Đỗ Huy Đạt**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 14 tháng 8 năm 2013*

---

**Lê Hữu Cảnh**  
**Kế toán trưởng**

---

**Trần Thị Ngọc Mai**  
**Người lập**